TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2018 / HNGĐ-ST.
Ngày: 07 – 3 – 2018 .
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đinh Cường
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Không tham dự phiên tòa.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 232/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2017; Về việc: *"Xin ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Ngọc T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3. Con chung: Cháu Trần Minh N, sinh ngày 05/12/2005

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc T trình bày:

Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn C. Về con chung theo nguyện vọng con chung Trần Minh N, sinh ngày 05/12/2005 sống chung với chị T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được tiếp tục nuôi cháu N, đối với con chung Trần Khánh H, sinh ngày 23/04/2011 hiện nay sống chung với anh C, giao anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Chị T, anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Chứng cứ chứng minh chị T cung cấp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh cháu Trần Minh N, cháu Trần Khánh H; giấy xác nhận nơi sinh sống của anh C.

Nguyên nhân chị T ly hôn anh C:

- Chị T và anh C tổ chức lễ cưới năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 05/6/2013 sau khi kết hôn sống rất hạnh phúc. Gần đây vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn thường xuyên cãi nhau, mâu thuẩn ngày càng trầm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cảm thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn lại được nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

- Về con chung: Theo nguyên vọng con chung cháu Trần Minh N, sinh ngày 05/12/2005 cháu yêu cầu được tiếp tục sống chung với chị T nên chị đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Trần Khánh H, sinh ngày 23/4/2011 hiện nay đang sống chung với anh C nên sau khi ly hôn chị T giao anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị không cấp dưỡng nuôi cháu H.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung cháu Trần Minh N trình bày: Cháu là con chung cha Trần Văn C, mẹ Dương Thị Ngọc T hiện nay cháu sống chung với mẹ. Sau khi cha, mẹ cháu ly hôn, cháu yêu cầu được tiếp tục sống chung với mẹ Dương Thị Ngọc T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn anh Trần Văn C biết về việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ của chị T cung cấp. Nhưng anh C không có văn bản trả lời. Tại phiên tòa ngày hôm nay mặc dù đã được tống đạt và triệu tập hợp lệ nhưng anh C vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " Ly hôn, nuôi con chung " theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại Ấp A, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã 02 lần triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trần Văn C nhưng anh C vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 05 tháng 6 năm 2013 chị T, anh C kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét mâu thuẩn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng chị T và hiện nay đã ly thân không đoàn tựu lại là có thật. Chị T yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghĩ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Từ khi ly thân cho đến nay con chung cháu Trần Minh N, sinh ngày 05/12/2005 sống chung với chị T, theo nguyện vọng của cháu N được tiếp tục sống chung với mẹ sau khi cha, mẹ cháu ly hôn. Xét, nên chấp nhận giao con chung cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với con chung cháu Trần Khánh H, sinh ngày 23/4/2011 hiện đang sống chung với anh C nên tiếp tục giao cháu H cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị T và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Vế án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Dương Thị Ngọc T được ly hôn với bị đơn Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Minh N, sinh ngày 05/ 12/ 2005 cho nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Khánh H, sinh ngày 23/4/2011 cho anh Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc T nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0006058, ngày 29/9/2017, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã C 01b;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo